

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2020/HS-ST
Ngày 09 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Thu

Ông Hứa Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS, ngày 21 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Triệu Thị T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 29/01/1982 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Ký S và bà Âu Thị L; có chồng là Hà Văn C (đã chết) và 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Trọng H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Địa chỉ: Km 18, Quốc lộ 1A, thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị hại: Bà Lương Thị Đ, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 1, khối 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Hà Thế K, sinh năm 1975. Có mặt.

Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1979. Có mặt.

Bà Luân Thị E, sinh năm 1956. Có mặt.

Chị Hoàng Thị Kim O, sinh năm 1978. Có mặt.

Chị Nông Bích T, sinh năm 1973. Có mặt.
Chị Hà Thị C, sinh năm 1979. Có mặt.
Chị Hà Thị N, sinh năm 1970. Có mặt.
Chị Hà Thị K, sinh năm 1960. Có mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.
- *Người làm chứng:*
Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981. Có mặt.
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Vắng mặt.
Chị Hoàng Thị , sinh năm 1986. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Thị T, sinh năm 1978, trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là con nuôi trong gia đình Hà Thế K (sinh năm 1975, cùng thôn với T). Lương Thị Đ (sinh năm 1978, trú tại: Tổ 1, khối 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) là người yêu của Hà Thế K. Giữa T và K thường xuyên liên lạc điện thoại qua mạng xã hội Zalo bằng hình thức gọi video, chat, gửi ảnh. Quá trình liên lạc giữa hai người, T có gửi hình ảnh khỏa thân của mình cho K. Tuy nhiên, vì sợ Đ hiểu nhầm, K đã gửi những hình ảnh này cho Đ qua tin nhắn Zalo. Đ đã tâm sự những việc này với Hoàng Thị Q (sinh năm 1979, là người cùng thôn với Triệu Thị T) và gửi hình ảnh nhạy cảm của T cho Q xem. Triệu Thị T biết được và cho rằng Đ còn gửi những hình ảnh nhạy cảm của T cho những người trong thôn là Nông Bích T (sinh năm 1973), Hà Thị C (sinh năm 1979) nên cảm thấy xấu hổ và muốn làm nhục chị Đ tại chỗ đông người.

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 07/01/2020, khi biết chị Đ đang bán nước tại trước cổng Ủy ban nhân dân huyện Cao Lộc, thuộc tổ 1, khối 7, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, T cùng khoảng 04 – 05 đối tượng nữ giới (không rõ nhân thân, lai lịch) dùng tay túm tóc, đánh, chửi bới và lột bỏ hết quần áo trên người chị Đ. Chỉ đến khi những người xung quanh can ngăn thì các đối tượng mới bỏ đi.

Tại bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 18/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Triệu Thị T về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1, Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận do nghĩ chị Đ gửi ảnh nhạy cảm của mình cho những người trong thôn biết nên bị cáo thấy bị xúc phạm. Với ý định để chị Đ cũng bị xấu hổ như mình, bị cáo đã đến chỗ chị Đ bán nước, có hành vi giật tóc, lột quần áo chị Đ khiến chị Đ bị trần truồng ở nơi công cộng. Bị cáo biết hành vi đó là làm nhục chị Đ, pháp luật không cho phép nhưng do thiếu kiểm chế, bị cáo đã có hành vi vi phạm pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo xin lỗi chị Đ và chấp nhận bồi thường cho chị Đ 5.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận ngoài bị cáo còn có 02 người phụ nữ giúp bị cáo giữ tay, chân chị Đ để bị cáo thực hiện việc lột quần áo chị Đ nhưng bị cáo không biết họ

tên, địa chỉ cụ thể của những người đó vì mới quen trước khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa bị hại chị Lương Thị Đ khai: Do biết chị Đ và anh Hà Thế K có mối quan hệ yêu đương, bị cáo T cũng có tình cảm với anh Hà Thế K nên có thái độ hăm dọa với chị. Để gây tình cảm với anh K, T đã nhiều lần gửi ảnh nhạy cảm của mình cho anh K. Vì sợ chị Đ hiểu lầm nên anh K lại gửi ảnh đó cho chị để khẳng định anh K chỉ yêu một mình chị. Chị Đ gửi ảnh đó cho Hoàng Thị Q (em dâu trong họ anh K) với mục đích tâm sự: Tại sao em gái lại gửi ảnh nhạy cảm như thế cho anh trai?. Ngoài gửi cho Q, chị Đ không gửi ảnh cho ai khác. Còn việc ai phát tán ảnh của T trên zalo, facebook chị Đ không biết. Chị không chấp nhận lời xin lỗi của bị cáo vì trong quá trình điều tra chị đã cho bị cáo nhiều cơ hội nhưng bị cáo không xin lỗi mà còn tỏ ra ngang bướng không thừa nhận lỗi của mình. Chị yêu cầu Tòa án xét xử nghiêm bị cáo T theo quy định của pháp luật để làm gương cho người khác, về phần bồi thường, chị yêu cầu bị cáo bồi thường cho chị tổng các khoản mất thu nhập, tổn thất tinh thần là 70.000.000triệu đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Luân Thị E, chị Nông Bích T, chị Hà Thị C, chị Hà Thị N, chị Hà Thị K (cùng thôn với bị cáo T) đều khẳng định không được trực tiếp chứng kiến sự việc nhưng được T trực tiếp mở điện thoại cho xem đoạn video quay lại diễn biến sự việc bị cáo T lột quần áo chị Đ. Ngoài ra, anh Hà Thế K, chị Nông Bích T, chị Hà Thị C đều khẳng định được bị cáo T gửi ảnh nhạy cảm của T qua mạng zalo cho xem.

Những người làm chứng gồm chị Nguyễn Thị H, Hoàng Thị P đều thừa nhận: Được chứng kiến có người túm tóc, lột sạch quần áo của chị Đ, có người giữ tay chị Đ, có người quay video, T là người trực tiếp lột quần áo chị Đ. Các chị đều khẳng định có một nhóm người khoảng 5 đến 6 người cùng giúp sức đánh và lột quần áo chị Đ, không phải riêng một mình bị cáo T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Làm nhục người khác”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 155; điểm i, khoản 1, Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Triệu Thị T mức án từ 02 (hai) đến 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ, không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền từ 15.000.000đồng (mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Về tang vật: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần dài vải kẻ nền màu đen; 01 áo len mỏng đen đã cũ; 01 một bộ quần áo lót cũ của bị hại Lương Thị Đ mặc ngày 07/01/2020; các mảnh thủy tinh của cốc nước của quán chị Đ. Trả lại chị bị cáo Triệu Thị T 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu Samsung Galaxy J7+ màu đen vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, qua tranh tụng tại phiên tòa xác định được, ngoài bị cáo Triệu Thị T còn có những người khác giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng bị cáo cho rằng mới quen không biết họ tên tuổi địa chỉ cụ thể. Những người làm chứng, người bị hại cũng chỉ biết có khoảng 5-6 người giúp sức nhưng không rõ lai lịch nên không có căn cứ xem xét trong vụ

án này. Cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục điều tra, nếu làm rõ được sẽ xử lý trong vụ án khác.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Triệu Thị T xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất vì bị cáo phạm tội khi bị hại cũng có một phần lỗi là gửi ảnh nhạy cảm của bị cáo cho một số người khác xem dẫn đến bị cáo bức xúc mới có hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo T tranh luận: Nhất trí với tội danh Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội xuất phát từ phía bị hại nên phải xác định bị hại cũng có một phần lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra; phạm tội do lạc hậu; bị cáo có chú ruột là ông Triệu Văn Đ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì (điểm i, e, m khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự), đề nghị cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất. Về phần bồi thường: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng cần xem xét lỗi của bị hại để đưa ra mức bồi thường phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội: Ý kiến của Luật sư về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân”, “phạm tội do lạc hậu” là không có cơ sở vì bị cáo là người trưởng thành, khi biết ảnh nhạy cảm bị cáo bị gửi cho người khác xem cách thời gian bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 01 tháng là khoảng thời gian dài nên không thể nói bị cáo bị kích động mạnh về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân. Bị cáo sinh sống ở địa bàn có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, không phải vùng sâu, vùng xa; bị cáo biết sử dụng điện thoại, zalo, facebook nên không thể cho rằng bị cáo là người lạc hậu. Trong lời bào chữa của Luật sư có một số nội dung nêu ra chưa đảm bảo căn cứ như: Khẳng định chị Đ gửi ảnh nhạy cảm của T vào nhóm zalo trong làng nhưng chưa có căn cứ chứng minh có nhóm zalo của làng và ai là người gửi. Đơn tố cáo anh K, chị Đ gửi ảnh nhạy cảm của bị cáo chưa có kết luận nhưng Luật sư đã nêu là có kết luận. Việc bị cáo không nhận thức được hành vi phạm tội là không đúng vì bị cáo còn biết che giấu hình ảnh của mình bằng cách đeo khẩu trang, mặc áo chống nắng, đầu đội mũ bảo hiểm, biết sử dụng điện thoại, zalo...

Bị hại Lương Thị Đ tranh luận: Tôi đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật để làm gương cho người khác, đồng thời buộc bị cáo phải bồi thường cho tôi mức phù hợp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Luân Thị E, chị Nông Bích T, chị Hà Thị C, chị Hà Thị N, chị Hà Thị K không có ý kiến tranh luận. Anh Hà Thế K đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ vai trò đồng phạm của nhóm người giúp sức cho bị cáo Triệu Thị T vì chắc chắn một mình bị cáo T không thể tự mình thực hiện được hành vi phạm tội.

Khi nói lời nói sau cùng bị cáo cho rằng bị cáo đã sai, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với biên bản xác định hiện trường về việc bị cáo T có hành vi giật tóc và lột quần áo bị hại Lương Thị Đ làm chị Đ bị trần truồng nơi đông người với mục đích làm nhục chị Đ. Hành vi này của bị cáo Triệu Thị T đã xúc phạm nghiêm trọng danh dự nhân phẩm của chị Đ. Bị hại và những người làm chứng khai ngoài bị cáo còn có khoảng 05 – 06 người phụ nữ đầu đội mũ bảo hiểm, mặc áo chống nắng, mặt bịt khẩu trang giúp sức cho bị cáo T. Bị cáo T thừa nhận có 02 người giúp sức nhưng mới quen nên không biết về nhân thân, lai lịch. Những người làm chứng, bị hại cũng khai có 05 – 06 người giúp sức, không biết họ là ai. Do vậy không có căn cứ khác để chứng minh việc bị cáo có đồng phạm. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Triệu Thị T có hành vi lột quần áo của chị Lương Thị Đ ở nơi công cộng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị Đ. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo về tội “Làm nhục người khác” theo khoản 1, Điều 155 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Danh dự, nhân phẩm của con người là bất khả xâm phạm. Do vậy, không ai có quyền xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác bất kể vì lý do gì. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị cáo Triệu Thị T đã bất chấp pháp luật có hành vi làm nhục chị Lương Thị Đ trước đông người. Hành vi phạm tội của bị cáo mặc dù thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, khiến quần chúng nhân dân bất bình. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lột quần áo của người khác tại nơi đông người là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu kiềm chế bị cáo đã phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Theo lời khai những người làm chứng và bị hại Lương Thị Đ, ngoài bị cáo ra còn có một nhóm người khoảng 5 - 6 người khác giúp sức cho bị cáo. Trong đó có 02 người giữ 02 tay chị Đ, 01 người giữ chân phải, 01 người lột toàn bộ áo, bị cáo Triệu Thị T trực tiếp lột toàn bộ quần của chị Đ; 01 người dùng điện thoại smartphone quay lại cảnh bị cáo Triệu Thị T lột quần áo của chị Lương Thị Đ. Điều này phù hợp với lời khai của bà Luân Thị E, chị Nông Bích T, chị Hà Thị C, chị Hà Thị N, chị Hà Thị K cùng thôn với bị cáo đã được xem video này và khẳng định video này là có thật nhưng tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận có đoạn video quay lại cảnh làm nhục chị Đường. Điều này cho thấy bị cáo không thành khẩn khai nhận đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình, không ăn năn hối hận. Do vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, nguyên nhân xuất phát từ bị hại Lương

Thị Đ đã có hành vi gửi ảnh nhạy cảm của bị cáo cho người khác xem, sự việc làm cho bị cáo xấu hổ nên mới dẫn đến việc bị cáo có hành vi làm nhục bị hại. Do vậy xác định người bị hại cũng có một phần lỗi, bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là người bị hại có lỗi (tình tiết giảm nhẹ này được hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP, ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

[5] Về nhân thân: Bị cáo là nhân dân lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Xét thấy bị cáo có hành vi lột hết quần áo của bị hại Lương Thị Đ nơi đông người gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị Đ của bị cáo là hành vi pháp luật không cho phép. Trong khi cả bị cáo, bị hại đều là phụ nữ, có quen biết nhau, chỉ vì một phút bốc đồng dẫn đến hành vi phạm tội; bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, xét thấy cần xử bị cáo mức án phù hợp để răn đe với người khác. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không có tình tiết tăng nặng; có 02 tình tiết giảm nhẹ (quy định tại điểm i, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); có nơi cư trú rõ ràng; chồng chết sớm, một mình nuôi hai con; sự việc xảy ra bị hại cũng có một phần lỗi. Do vậy, xét thấy việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp để bị cáo có cơ hội chuộc lại lỗi lầm. Do hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, nhưng bị cáo là người đang trong độ tuổi lao động, do vậy cần buộc bị cáo phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do bị cáo có hành vi gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại một số tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Bị hại có một phần lỗi do vậy bị hại tự chịu một phần tương đương mức độ lỗi là 30%, bị cáo chịu 70%. Hành vi của bị cáo thuộc khoản 1, Điều 155 của Bộ luật Hình sự (Điều 155 của Bộ luật Hình sự có 3 khung hình phạt theo mức độ tăng dần). Mức tối đa bồi thường tổn thất về tinh thần theo quy định của Bộ luật dân sự là 10 lần mức lương cơ sở ($1.490.000đ \times 10 = 14.900.000đ$ ồng). Căn cứ quy định của pháp luật, căn cứ mức độ phạm tội thì số tiền bồi thường tổn thất tinh thần sẽ tương đương $1/3$ của số tiền $14.900.000đ$ ồng = $5.000.000đ$ ồng; bị hại chịu 30% lỗi tương đương $1.500.000đ$ ồng; bị cáo chịu 70% tương đương $3.500.000đ$ ồng. Do vậy, cần buộc bị cáo Triệu Thị T phải bồi thường cho bị hại số tiền bù đắp tổn thất tinh thần là $3.500.000đ$ ồng. Đối với số tiền mất thu nhập bị hại yêu cầu là 03 tháng, mỗi tháng $9.000.000đ$ ồng = $27.000.000đ$ ồng là không có cơ sở. Thời điểm xảy ra vụ việc ngày 07/1/2020 (vào ngày 13/12/2019 âm lịch giáp tết Nguyên đán), sau thời gian nghỉ tết bắt đầu từ tháng 3/2020 trên cả nước bị ảnh hưởng dịch Covid-19 nên thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế đi lại, nhà hàng quán xá đóng cửa để đảm bảo chống dịch. Do dịch bệnh là sự kiện khách quan nên không chấp nhận yêu cầu của bị hại mất thu nhập trong 03 tháng; cũng không chấp nhận mức $300.000đ$ ồng/ngày vì bị hại không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cao Lộc, huyện

Cao Lộc mức thu nhập bình quân đầu người là 49.000.000đồng/năm, tương đương 4.000.000đồng/tháng. Trên cơ sở lập luận trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ tính cho bị hại thời gian mất thu nhập là 01 tháng 15 ngày (15 ngày trước tết và 30 ngày sau tết Nguyên đán), mỗi ngày mất thu nhập là 4.000.000đ : 30 ngày = 133.000đồng/ngày. Cần buộc bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập cho bị hại là 45 ngày x 133.000đồng/ngày = 5.985.000đồng. Bị hại yêu cầu bồi thường 27.000.000đồng cho 01 người mất thu nhập chăm sóc bị hại trong 03 tháng. Tuy nhiên, bị hại không đi điều trị tại Bệnh viện cũng không khám thương tích, không có cơ sở chấp nhận khoản tiền này. Như vậy tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 3.500.000đồng + 5.985.000đồng = 9.485.000đ (chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[8] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc quần dài vải kẻ nền màu đen; 01 áo len mỏng đen đã cũ; 01 một bộ quần áo lót cũ; các mảnh thủy tinh của cốc nước thu giữ của bị hại Lương Thị Đ là vật chứng, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu Samsung Galaxy J7+ màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[9] Bị cáo Triệu Thị T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo phải bồi thường nên phải chịu án phí dân sự với mức 5% trên tổng số tiền phải bồi thường. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[10] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, bồi thường thiệt hại cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Lời bào chữa của người bào chữa đề nghị Hội đồng áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân” theo điểm e, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù nguyên nhân dẫn đến việc bị cáo phạm tội xuất phát từ bị hại Lương Thị Đ gửi ảnh nhạy cảm của bị cáo cho người khác. Tuy nhiên, hành vi đó đã diễn ra trong một thời gian dài trước khi xảy ra sự việc 01 tháng, bị cáo còn có thời gian gửi ảnh cho chị Nông Bích T, Hà Thị C để trình bày việc sẽ đánh để dẫn mặt chị Đ. Hội đồng xét xử cũng đã áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là “người bị hại có lỗi”. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm m, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là “phạm tội do lạc hậu”, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo sinh sống tại khu vực không phải đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa; bị cáo có khả năng sử dụng công nghệ 4.0 đó là zalo, gọi video, chat điều đó chứng tỏ bị cáo không lạc hậu. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự do bị cáo có chú ruột là ông Triệu Văn Đ là người có công với nước (được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì) nhưng ông Triệu Văn Đ không phải là người nuôi dưỡng bị cáo cũng như bị cáo không phải là người phụng dưỡng ông Đ; bố mẹ bị cáo hiện nay vẫn còn sống nên theo quy định của pháp luật bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ này. Với những lập luận trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo điểm e, m, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình

sự. Ý kiến đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Trong vụ án này, qua tranh tụng tại phiên tòa những người làm chứng và bị hại Lương Thị Đ đều khẳng định có một nhóm khoảng 5 đến 6 người giúp sức cho bị cáo Triệu Thị T. Do vậy, có cơ sở cho rằng trong vụ án này, ngoài bị cáo còn có các đồng phạm khác. Tuy nhiên, bị cáo khai không biết những người đó là ai, ở đâu vì mới quen trước khi xảy ra sự việc. Những người làm chứng và bị hại cũng không biết về nhân thân, lai lịch của nhóm người giúp sức cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét trong vụ án này. Nếu làm rõ được sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác.

[13] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 155; điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 592; 357; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Thị T phạm tội “Làm nhục người khác”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Thị T 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo Điều 99 Luật Thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Triệu Thị T. Buộc bị cáo Triệu Thị T phải lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Triệu Thị T phải bồi thường cho bị hại chị Lương Thị Đ số tiền là 9.485.000đ (chín triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị Lương Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Triệu Thị T chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận khác thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- + 01 (một) bộ quần áo lót cũ bị hại mặc ngày 07/01/2020;
- + 01 (một) chiếc quần dài vải kẻ nền màu đen cũ bị hại mặc ngày 07/01/2020;
- + 01 (một) chiếc áo len mỏng đen cũ bị hại mặc ngày 07/01/2020;
- + Các mảnh thủy tinh của cốc nước do bị cáo Triệu Thị T đập phá quán nước chị Lương Thị Đ.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/5/2020 giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Triệu Thị T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 474.000đ (bốn trăm bảy tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (01 bản);
- Đội Tổng hợp Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, H. C, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại và người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Lương Thị Mỹ Hạnh**